Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9010.10.00

Mã HS	9010.10.00
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị dùng trong phòng làm ảnh (kể cả điện ảnh), chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi nào khác thuộc Chương này; máy xem âm bản; màn ảnh của máy chiếu / - Máy và thiết bị sử dụng cho việc tráng tự động phim hoặc giấy ảnh (kể cả điện ảnh) dạng cuộn hoặc dùng cho việc phơi sáng tự động các phim đã tráng lên các cuộn giấy ảnh
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:52:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90101000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18000
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18000
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18000
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17306
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17235
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17235
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17235
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17235
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17235
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17235
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17291
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17291
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17291
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17291

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17291
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17291
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17292
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17292
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17292
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17292
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17292
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17292
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17297
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17253
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17249
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17249
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17249
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17249
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17249
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17249
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17295
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17295
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17295
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17295
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17295
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17295
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17357
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17357
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17357
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17357

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17357
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17357
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17333
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17333
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17333
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17333
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17333
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17333
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17328
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17328
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17328
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17328
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17328
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17328
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17358
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17358
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17358
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17358
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17358
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17358
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17357
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17357
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17357
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17357
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17357
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17357

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17451
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17451
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17451
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17451
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17451
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17451
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17451
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17320
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17320
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17320
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17320
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17320
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17320
RCEP B	2022	2022	0	B!D17320
RCEP B	2023	2023	0	B!E17320
RCEP B	2024	2024	0	B!F17320
RCEP B	2025	2025	0	B!G17320
RCEP B	2026	2026	0	B!H17320
RCEP B	2027	2027	0	B!I17320
RCEP C	2022	2022	0	C!D17318
RCEP C	2023	2023	0	C!E17318
RCEP C	2024	2024	0	C!F17318
RCEP C	2025	2025	0	C!G17318
RCEP C	2026	2026	0	C!H17318
RCEP C	2027	2027	0	C!I17318
RCEP D	2022	2022	0	D!D17317

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17317
RCEP D	2024	2024	0	D!F17317
RCEP D	2025	2025	0	D!G17317
RCEP D	2026	2026	0	D!H17317
RCEP D	2027	2027	0	D!I17317
RCEP E	2022	2022	0	E!D17321
RCEP E	2023	2023	0	E!E17321
RCEP E	2024	2024	0	E!F17321
RCEP E	2025	2025	0	E!G17321
RCEP E	2026	2026	0	E!H17321
RCEP E	2027	2027	0	E!I17321
RCEP F	2022	2022	0	F!D17320
RCEP F	2023	2023	0	F!E17320
RCEP F	2024	2024	0	F!F17320
RCEP F	2025	2025	0	F!G17320
RCEP F	2026	2026	0	F!H17320
RCEP F	2027	2027	0	F!I17320
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F16242
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16242
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16242
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16242

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9010.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9010.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18000), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.